

Số: **3653**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **10** tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu  
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-TTg ngày 21/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2018 của Hợp phần Biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 550/TTr-STNMT ngày 20/10/2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 264/QĐ-STNMT ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**Nơi nhận:**

- TT, TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, NN. 03

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**K.T. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**





## KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh  
giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(kèm theo Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 10/11/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường, phát triển kinh tế theo hướng các-bon thấp, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hướng tới nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

- Xác định các nhiệm vụ, giải pháp, tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là BĐKH) cho các ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh, lồng ghép các nội dung kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH vào các chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động phòng, tránh, giảm thiểu những rủi ro do BĐKH gây ra, bảo vệ cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và các cam kết của Việt Nam trong đóng góp do quốc gia tự quyết định theo Thỏa thuận Paris về BĐKH.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.1. Giai đoạn 2021-2025:

- Trên cơ sở xác định các tác động của BĐKH đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các Sở, Ban, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương ứng phó với BĐKH.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; khí tượng thủy văn, BĐKH và hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực của các ngành, các cấp và cộng đồng để ứng phó kịp thời, hiệu quả trước các tác động của BĐKH;

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về BĐKH; xây dựng mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai trong điều kiện BĐKH.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về BĐKH, nước biển dâng phục vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

##### 2.2. Giai đoạn 2026-2030:

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, lĩnh vực.



- Ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất hướng tới nền công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

### 2.3. Tầm nhìn đến năm 2050:

- Cập nhật, bổ sung kịch bản BĐKH của tỉnh, đánh giá mức độ tác động của BĐKH đến các lĩnh vực, ngành và xác định các giải pháp ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh; phát triển nền kinh tế cacbon thấp và tăng trưởng xanh nhằm thích ứng với các tác động của BĐKH.

- Hoàn thành một số nhiệm vụ trọng tâm xác định trong kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.

## II. NHIỆM VỤ

### 1. Đến năm 2025

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng về BĐKH, thúc đẩy cộng đồng tham gia các hoạt động thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH cho các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh; lồng ghép các nhiệm vụ phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, các nguy cơ thiên tai; đặc biệt cảnh báo sớm ngập, xâm nhập mặn.

- Nâng cao khả năng thích ứng với BĐKH của hệ thống cơ sở hạ tầng: đê điều, công trình thủy lợi, hệ thống thoát nước,...

- Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh; phát triển chương trình “Tiết kiệm năng lượng”, sử dụng nguồn năng lượng, vật liệu thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

### 2. Đến năm 2030

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức của các ngành, các cấp và cộng đồng trên địa bàn tỉnh trong công tác ứng phó với thiên tai và BĐKH.

- Xây dựng nền kinh tế cacbon thấp; triển khai các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ dân sinh và sản xuất; tiếp tục nâng cấp, cải tạo hệ thống đê biển, đê sông phù hợp với điều kiện BĐKH và nước biển dâng.

- Nâng cấp hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng phù hợp với điều kiện BĐKH và nước biển dâng.



**3. Tầm nhìn đến năm 2050:** Cập nhật các kịch bản BĐKH của tỉnh, đặc biệt là nước biển dâng; tiếp tục xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể.

### **III. GIẢI PHÁP**

#### **1. Nâng cao năng lực quản lý, thể chế, chính sách và huy động các nguồn lực**

- Lòng ghép các vấn đề BĐKH, tăng trưởng xanh trong xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát triển kinh tế vùng ven biển và quy hoạch các ngành nghề có tính đến các nguy cơ, các tác động có thể xảy ra do BĐKH;

- Nâng cao năng lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực triển khai thực hiện các nội dung ứng phó với BĐKH và nước biển dâng; kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện các hoạt động ứng phó với BĐKH; nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế; triển khai các chính sách hỗ trợ, bảo hiểm rủi ro thiên tai theo quy định.

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, cập nhật thông tin và nâng cao kiến thức của các cấp, các ngành và địa phương về khí tượng thủy văn, BĐKH, phòng, tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai; trang bị kỹ năng ứng phó với thiên tai trong tình huống khẩn cấp đối với cộng đồng dân cư, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo hướng chuyên trách, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, có năng lực, trình độ, kỹ năng nghiệp vụ cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện BĐKH.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về BĐKH cho cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh; đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền; xây dựng, thực hiện các chương trình truyền thông có nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường năng lực, khả năng ứng phó với BĐKH của các Sở, Ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh, tăng cường sự phối hợp của các cơ quan liên quan như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,... trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ứng phó với BĐKH.

#### **2. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế về BĐKH**

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH; sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ của quốc tế trong các vấn đề liên quan đến BĐKH; tăng cường



áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ ứng phó với BĐKH, nước biển dâng và kiểm kê khí nhà kính trong các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý và tái sử dụng chất thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng hiệu quả kinh tế, giảm phát thải khí nhà kính; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xanh trong phát triển ngành, lĩnh vực và ứng phó với BĐKH.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, thời tiết cực đoan trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành, địa phương, đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về BĐKH, các giải pháp ứng phó với BĐKH phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

### **3. Lĩnh vực nông nghiệp**

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng với BĐKH, trong đó tăng cường sử dụng các giống cây trồng ngắn ngày, chịu hạn, mặn, điều chỉnh lịch thời vụ gieo trồng linh hoạt nhằm hạn chế tác động của thiên tai; cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu tưới tiêu; nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới theo hướng bảo vệ môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu, nhân rộng các mô hình giảm thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn, giám sát BĐKH phục vụ việc dự báo, cảnh báo sớm các loại hình thiên tai, các loại hình khí hậu cực đoan; chủ động ứng phó, phòng chống thiên tai, ngập lụt, xâm nhập mặn; hoàn thiện, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển đáp ứng yêu cầu phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

- Bảo vệ, phục hồi và phát triển diện tích rừng, nâng cao độ che phủ rừng; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái; xây dựng mô hình quản lý rừng bền vững có hiệu quả, mô hình sản xuất nông lâm kết hợp.

- Quy hoạch và phát triển chăn nuôi trang trại tập trung; từng bước xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao sử dụng nguồn năng lượng tái tạo như gió, năng lượng mặt trời, kịp thời có các biện pháp giảm thiểu hoặc ngăn chặn để hạn chế tối đa các thiệt hại do BĐKH gây ra.

- Tăng cường công tác khuyến nông, tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh; nhân rộng các mô hình, biện pháp canh tác tiên tiến; ứng dụng công nghệ cao trong tuyển chọn, lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; nghiên cứu nhập khẩu giống mới có năng suất, chất lượng cao.



- Nghiên cứu, triển khai các dự án đê, kè kết hợp với trồng rừng chống sạt lở dọc theo các vùng cửa sông, ven biển; các dự án gây bồi, tạo bãi, trồng rừng bảo vệ bờ biển.

- Nâng cấp, hoàn thiện các cảng cá, các khu trú, tránh trú bão cho tàu thuyền; hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề cho người dân phát triển sinh kế, đặc biệt là nhóm đối tượng thường xuyên chịu ảnh hưởng của rủi ro, thiên tai; hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, dạy nghề, tăng cường các hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm gắn với nhu cầu cần chuyển đổi việc làm của người dân.

- Có giải pháp lưu trữ nguồn nước sạch và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, ưu tiên cho các hoạt động dân sinh.

#### **4. Lĩnh vực công nghiệp**

- Phát triển ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, phù hợp với tình hình BDKH; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới phương thức sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường, hạn chế thấp nhất các nguồn thải phát sinh trong sản xuất nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính; phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới để từng bước hạn chế các nhóm ngành tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo như: điện gió, điện mặt trời.

- Thúc đẩy mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp; hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở, nhà đầu tư đổi mới công nghệ, tạo ra sản phẩm có giá trị, sức cạnh tranh cao; tạo mối liên kết ngành nông - công nghiệp để bảo đảm sản lượng, chất lượng nguồn nguyên liệu sản xuất.

- Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp mới, lấp đầy các khu công nghiệp hiện có; thực hiện đánh giá tác động của BDKH đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế, xây dựng phương án ứng phó với BDKH.

- Tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực về vấn đề môi trường và thích ứng với BDKH cho doanh nghiệp, cán bộ môi trường, cán bộ kỹ thuật sản xuất và công nhân sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt, sản xuất; phát triển, sử dụng các dạng năng lượng thân thiện môi trường như: năng lượng gió, khí sinh học, địa nhiệt, thủy triều, điện từ quá trình phân hủy và xử lý rác thải ....

#### **5. Lĩnh vực xây dựng**

- Nâng cao chất lượng lập đồ án quy hoạch, công tác thẩm định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch và báo cáo đánh giá môi trường trong các đồ án quy hoạch. Đưa tiêu chí chủ động ứng phó với BDKH vào trong nhiệm vụ quy hoạch, phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng trong lựa chọn



phương án quy hoạch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến ứng dụng các công nghệ mới vào đầu tư xây dựng công trình và nhà ở; nghiên cứu áp dụng các vật liệu mới có khả năng chống chịu tốt với các hiện tượng khí hậu cực đoan.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho cán bộ quản lý xây dựng, các chủ đầu tư công trình để chủ động ứng phó với BĐKH.

- Áp dụng tiêu chuẩn trong xây dựng phù hợp với BĐKH; xây dựng dân dụng phải gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, thân thiện với môi trường và thích ứng với BĐKH, nước biển dâng, chống ngập úng tại các khu vực đô thị, dân cư tập trung.

#### **6. Lĩnh vực giao thông vận tải**

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở vùng bị ngập lụt và các tuyến đường thường xuyên bị ngập trên địa bàn tỉnh;

- Khuyến khích phát triển các loại phương tiện ít hoặc không sử dụng nhiên liệu hóa thạch; nghiên cứu các phương tiện vận tải sử dụng nhiên liệu tái tạo; tăng cường kiểm soát khí thải từ các phương tiện giao thông, kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông vận tải.

- Rà soát, đánh giá các tác động của BĐKH, nước biển dâng đến kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh để có biện pháp ứng phó đảm bảo thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH đối với hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh.

- Phát triển giao thông công cộng để giảm bớt lưu lượng xe và khí thải trên địa bàn tỉnh.

#### **7. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường**

- Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về BĐKH, xem ứng phó với BĐKH, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Tăng cường quản lý và khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt ô nhiễm tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, các đô thị lớn; kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị có mật độ dân cư cao; ứng dụng công nghệ, hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn để cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường.

- Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân; cải tạo ao, hồ, kênh, mương bị ô nhiễm;



- Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống; thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị.

- Chủ động kiểm soát, giám sát ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; sử dụng nguồn nước khoa học, tiết kiệm và hợp lý; đáp ứng nhu cầu nước ngọt cho hoạt động sản xuất và dân sinh, đặc biệt ở khu vực thường xuyên bị hạn hán, xâm nhập mặn;

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khoáng sản để ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

- Bảo vệ, phát triển diện tích rừng hiện có; tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất nông nghiệp; bảo vệ đa dạng sinh học theo quy định; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn theo quy hoạch của tỉnh đến năm 2030; thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải trên địa bàn tỉnh.

**8. Lĩnh vực giáo dục:** Đưa nội dung ứng phó với BĐKH vào chương trình giảng dạy, đào tạo các cấp học, các buổi sinh hoạt ngoại khóa các cấp học phổ thông và đại học nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của học sinh, sinh viên về bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH; tăng cường hợp tác, phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu về BĐKH; xây dựng và phối hợp triển khai chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về BĐKH cho các ngành, địa phương.

**9. Lĩnh vực y tế:** Tăng cường công tác y tế, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế cơ sở trong bối cảnh BĐKH; nâng cấp, cải tạo các cơ sở hạ tầng phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng; tăng cường phòng chống dịch bệnh; xây dựng các mô hình dịch vụ y tế đáp ứng trong điều kiện thiên tai, thảm họa do BĐKH gây ra.

**IV. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050** (tại Phụ lục kèm theo).

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; công bố kết quả Báo cáo tổng hợp “Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Trà Vinh” đến các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân



dân tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành nông nghiệp; Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương đánh giá tác động của BĐKH đến các lĩnh vực của ngành như: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản... để có giải pháp triển khai thực hiện; có phương án bảo vệ đê, kè, đảm bảo an toàn cho các công trình phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

**3. Các Sở, Ban, ngành tỉnh:** Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; xây dựng kế hoạch, lồng ghép các nội dung ứng phó với BĐKH của ngành để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

## **4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Trên cơ sở Báo cáo tổng hợp “Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Trà Vinh” và Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch ứng phó với BĐKH phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Rà soát, lồng ghép các nội dung về BĐKH, nước biển dâng vào các quy hoạch của địa phương nhằm ứng phó với BĐKH, đảm bảo phát triển bền vững.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

## **5. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể**

- Tham gia, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về BĐKH, nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ khí nhà kính trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia công tác giám sát các hoạt động ứng phó với BĐKH của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh góp phần đảm bảo lợi ích cộng đồng và đối tượng được hưởng lợi từ các chương trình hoạt động ứng phó với BĐKH.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**  
**GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh)*



STT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ/Dự án	Mục tiêu	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
01	Tăng cường năng lực thích ứng biến đổi khí hậu phòng chống thiên tai	Rà soát nội dung các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	Các tác động của biến đổi khí hậu được xét đến trong các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	2.000	- Giai đoạn 2020-2022: Lồng ghép vào các Quy hoạch - Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục triển khai, đánh giá hiệu quả lồng ghép. - Sau 2030: 100% các quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, ngành, lĩnh vực có xét đến biến đổi khí hậu
02	Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tăng cường kiến thức về biến đổi khí hậu, tác động và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu	- Nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức nhằm giúp cộng đồng chủ động trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai - Xây dựng phát triển nguồn nhân lực cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu	- Xây dựng, triển khai các kế hoạch tuyên truyền với nội dung và hình thức phù hợp cho từng nhóm đối tượng. - Xây dựng chương trình truyền thông về biến đổi khí hậu trên các phương tiện truyền thông (Đài truyền hình, Đài phát thanh, báo chí, Website...) - Xây dựng kế hoạch, tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao cho cán bộ quản lý các cấp trong và ngoài nước về biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	- Trung ương - Địa phương	1.600	Hàng năm, theo nhiệm vụ được giao
03	Nâng cao năng lực quản lý, giảm thiểu rủi ro thiên tai	Điều tra, khảo sát và đề xuất xây dựng hệ thống trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Hoàn thiện mạng quan trắc khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo thiên tai để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	- Điều tra, đánh giá tổng thể về thực trạng hoạt động mạng lưới khí tượng thủy văn hiện có; - Đề xuất xây dựng, đầu tư lắp đặt các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tính đến 2030.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đài Khí tượng thủy văn Trà Vinh; Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	Địa phương	1.000 (kinh phí thực hiện dự án)	Giai đoạn 2023 - 2025



04	Nâng cao năng lực quản lý, giảm thiểu rủi ro thiên tai	Xây dựng hệ thống thông tin, quản lý tàu thuyền giảm thiệt hại khi có bão, lũ trong tình hình BĐKH	Quản lý, giám sát các tàu cá, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ	Nghiên cứu, đầu tư thiết bị thông tin quản lý tàu thuyền: GPS, bộ chuyển đổi, thu phát vô tuyến,...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	Địa phương	1.000 (kinh phí thực hiện nhiệm vụ)	Giai đoạn 2022 - 2025
05	Nông nghiệp	Dự án Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu .	Phát triển một số chuỗi giá trị nông nghiệp chủ lực theo hướng thông minh/bền vững gắn với thị trường xuất khẩu, cải thiện thu nhập và giảm thiểu rủi ro thiên tai cho nông hộ và nhóm đối tượng dễ bị tổn thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai trên địa bàn 30 xã thuộc 7 huyện vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc Khmer, vùng dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu</li> <li>- Thúc đẩy đầu tư mạnh hơn từ khối tư nhân vào phát triển các chuỗi giá trị nông nghiệp chủ lực.</li> <li>- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công, bao gồm hạ tầng kinh tế, hạ tầng xanh và hạ tầng thích ứng, công nghệ, thiết bị phục vụ phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp chủ lực của tỉnh.</li> <li>- Chuyển đổi sản xuất xanh sạch/hữu cơ gắn với thị trường xuất khẩu.</li> <li>- Tăng cường khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao vị thế kinh tế nông hộ trong phát triển chuỗi giá trị và để hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác.	751.870	Giai đoạn 2021 - 2025
06	Nông nghiệp	Thực hiện chương trình tái cơ cấu, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với BĐKH và nước biển dâng giai đoạn 2021 -2025 định hướng đến năm 2030.	Xây dựng giải pháp chuyển đổi cơ cấu, cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với BĐKH và nước biển dâng áp dụng cho tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020 đã được triển khai</li> <li>- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến cây trồng vật nuôi</li> <li>- Xây dựng các giải pháp chuyển đổi cơ cấu, cây trồng, vật nuôi cho tỉnh theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	Địa phương	1.000 (kinh phí thực hiện đề án)	Giai đoạn 2021 - 2025: triển khai thí điểm và đề án



07	Nông nghiệp	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp công nghệ cao ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp đáp ứng mục tiêu thích ứng BĐKH, giảm nhẹ khí nhà kính, phát triển bền vững ngành nông nghiệp của tỉnh	- Đánh giá các mô hình sản xuất, canh tác nông nghiệp trên địa bàn tỉnh - Đề xuất các giải pháp nhằm ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với đặc trưng của biến đổi khí hậu .	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	Địa phương	1.500 (kinh phí thực hiện đề án)	Giai đoạn 2021 - 2025
08	Quản lý tài nguyên nước	Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng và định hướng khai thác nước mặt đến 2030 tỉnh Trà Vinh.	Đánh giá trữ lượng, chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội đến 2030 trong đó xem xét các ảnh hưởng của BĐKH và nước biển dâng , đặc biệt là xâm nhập mặn đến trữ lượng và chất lượng nước để có định hướng quản lý, khai thác phù hợp.	- Điều tra, khảo sát trữ lượng, chất lượng nước mặt. - Xây dựng các giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt nhằm phát triển bền vững về kinh tế, ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu .	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	- Trung ương - Địa phương	2.000	Giai đoạn 2022 - 2025
09	Quản lý tài nguyên nước	Điều tra, đánh giá và lập bản đồ phân vùng nguy cơ hạn hán, thiếu nước; đề xuất các giải pháp tăng cường khả năng trữ nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước.	Đảm bảo an ninh nguồn nước, tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước tỉnh Trà Vinh.	- Điều tra, khảo sát thực trạng sử dụng nguồn nước các địa phương. - Xác định các khu vực thiếu nước mặt để khoanh định phương án khai thác phù hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	- Trung ương - Địa phương	3.000	Giai đoạn 2023 - 2025
10	Công nghiệp	Điều tra, kiểm kê những công nghệ kém hiệu quả, không thân thiện với môi trường, tăng phát thải khí nhà kính trong ngành công thương. Xây dựng lộ trình kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	- Xây dựng lộ trình thay thế các công nghệ lạc hậu cho ngành Công thương tỉnh - Góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.	- Điều tra, thống kê các công nghệ lạc hậu, kém hiệu quả tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng lộ trình thay thế bằng công nghệ tiên tiến.	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	Địa phương	800 (kinh phí xây dựng dự án)	Năm 2022: Phê duyệt dự án



11	Xây dựng	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp chống ngập cho vùng quy hoạch đô thị của tỉnh Trà Vinh	Nâng cao năng lực chống ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	- Chi tiết kịch bản ngập lụt đối với các đô thị. - Đánh giá hiện trạng, sức chống chịu của hạ tầng cơ sở các khu đô thị. - Đề xuất các giải pháp chống ngập.	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	Địa phương	1.000 (kinh phí thực hiện đề án)	Giai đoạn 2022 - 2025
12	Văn hóa - du lịch	Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa	Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực văn hóa. Bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa địa phương	- Đánh giá mức độ nhạy cảm của các di tích lịch sử, văn hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng. - Đề xuất các giải pháp bảo vệ, duy tu các công trình và lộ trình triển khai thực hiện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và địa phương	Địa phương	500 (kinh phí thực hiện đề án)	Giai đoạn 2023- 2026
13	Giảm thiểu rủi ro thiên tai	Bố trí các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão	Đảm bảo an toàn cho tàu thuyền khi có thiên tai xảy ra	Mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Định An (huyện Trà Cú); xây dựng Cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Động Cao (huyện Duyên Hải)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban ngành và địa phương có liên quan	Trung ương	437.534	Giai đoạn 2021 - 2025
14	Giảm thiểu rủi ro thiên tai	Nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển tỉnh Trà Vinh	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, bổ sung hệ thống đê biển của tỉnh, khắc phục tình trạng sụt lún, sạt lở, biển xâm thực hành lang đê trên địa bàn các huyện: Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú, Châu Thành và thị xã Duyên Hải	Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển và khu vực cửa sông trên địa bàn các huyện: Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	Phân bổ nguồn vốn theo từng giai đoạn	Giai đoạn 2021 - 2030
15	Giảm thiểu rủi ro thiên tai	Bố trí, sắp xếp dân cư các vùng sạt lở nguy hiểm trên địa bàn tỉnh	Hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư, bảo vệ, đảm bảo an toàn khu dân cư	Di dân khẩn cấp vùng sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	35.000	Giai đoạn 2020 - 2022



16	Nông nghiệp (Đê kè)	Đê bao chống lũ, ngăn triều cường ven sông Hậu, huyện Cầu Kè	- Ngăn lũ, triều cường, bảo vệ vùng trọng điểm cây ăn trái (2.200 ha đất trồng cây ăn quả), kết hợp giao thông tạo liên kết - Bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản cho nhân dân 03 xã: Ninh Thới, An Phú Tân và Tân Hòa	- Tuyến đê bao dài 21km; chiều rộng mặt đê: 3,5 m; cao trình đỉnh đê: + 3m; mái dốc: phía đồng mđ= 1,5, phía sông ms= 2. - Cầu giao thông nông thôn trên tuyến đê bao	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	182.500	Giai đoạn 2021 - 2025
17	Nông nghiệp (Đê kè)	Nâng cấp hệ thống đê bao ngăn triều cường cũ lao Long Hòa - Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	- Ngăn lũ, triều cường, bảo vệ vùng trọng điểm cây ăn trái của địa phương - Kết hợp giao thông tạo liên kết	- Tuyến đê bao dài 42km. - Cầu giao thông nông thôn trên tuyến đê bao	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	270.000	Giai đoạn 2021 - 2025
18	Nông nghiệp (Đê kè)	Đầu tư nâng cấp hệ thống kè biển trên địa bàn tỉnh, củng cố và xây dựng các công trình phòng chống sạt lở khu vực ven biển	- Chống biển xâm thực, chắn sóng, ngăn triều, bảo vệ diện tích đất sản xuất và dân cư khu vực ven biển, góp phần ổn định luồng lạch khu vực cửa sông, phòng chống thiên tai trong điều kiện biển đổi khí hậu - Bảo vệ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội - Kết hợp giao thông nông thôn	Kè bảo vệ đoạn xung yếu Cồn Nhân, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải (giai đoạn 2)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	46.000	Giai đoạn 2020 - 2021
			Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải (giai đoạn 2)	88.000				Giai đoạn 2020 - 2023	
19	Nông nghiệp (Đê kè)	Đầu tư nâng cấp, củng cố hệ thống đê sông và các công trình phòng chống sạt lở khu vực ven sông, khu dân cư	- Góp phần ổn định vùng ven sông, phòng chống thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu - Bảo vệ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội.	Kè chống sạt lở thị trấn Cầu Ngang và Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang (đoạn còn lại) chiều dài 705m;	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	58.000	Giai đoạn 2021 - 2023
				Kè sông Long Bình, thành phố Trà Vinh (đoạn còn lại) chiều dài 8.200m				480.000	Giai đoạn 2021 - 2024
				Kè chống sạt lở sông thị trấn Tiểu Cần tổng chiều dài 3.631m.				156.000	Giai đoạn 2021 - 2023
				Kè Chống sạt lở Kênh Bà Liếp (từ sông Tiểu Cần - đến khu vực Đền Trần) dài 2.180m.				130.000	Giai đoạn 2022 - 2024



			- Kết hợp giao thông nông thôn	<p>Kè phía Đông kênh Chợ Mới, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú.</p> <p>Nâng cấp đê bao kết hợp kè chống sạt lở bờ sông Láng Thê (đoạn từ cầu Ba Trường đến cầu Ba Si) - chiều dài kè 02 bên 14,36km</p> <p>Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh - chiều dài 800m.</p> <p>Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên khu vực Cù lao ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (giai đoạn 2)</p> <p>Dự án xây dựng kè mềm kết hợp với trồng rừng các đoạn sạt lở ven sông Hậu trên địa bàn các xã: Kim Sơn, Lưu Nghiệp Anh và An Quảng Hữu, huyện Trà Cú</p> <p>Đầu tư xây dựng hệ thống đê bao Nam rạch Trà Cú, huyện Trà Cú - chiều dài 11.838m</p>				80.000	Giai đoạn 2022 - 2024
							861.000	Giai đoạn 2021 - 2027	
							80.000	Giai đoạn 2020 - 2022	
							88.000	Giai đoạn 2020 - 2023	
							7.112	Giai đoạn 2019 - 2021	
							62.800	Giai đoạn 2022 - 2025	
20	Nông nghiệp (Thủy lợi)	Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống bờ bao trên địa bàn tỉnh	- Chủ động ngăn ngừa xâm nhập mặn, dân ngọt, tiêu úng, xả phèn,... phục vụ sản xuất và dân sinh phát triển kinh tế của nhân dân trong vùng dự án; - Chống xâm thực bờ biển, bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất của nhân dân	Đầu tư công trình bờ bao ngăn mặn (đê rạch Mực Bắc, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần; bờ bao ấp Rầy - Thôn Rôn, huyện Cầu Ngang; bờ bao Vang Nhất, huyện Châu Thành...); sửa chữa, nâng cấp và xây dựng bổ sung hệ thống các công trình thủy lợi trong các dự án.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	Phân bổ nguồn vốn theo từng giai đoạn	Giai đoạn 2025 - 2030, cụ thể theo từng phân kì và nguồn vốn theo từng giai đoạn.
21	Nông nghiệp (Thủy lợi)	Nạo vét, khơi thông dòng chảy tuyến kênh nội đồng	- Tiêu thoát lũ từ thượng nguồn - Tăng khả năng đưa nước xuống hạ nguồn để rửa mặn	Triển khai nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	387.300	Giai đoạn 2021 - 2024



22	Nông - Lâm nghiệp	Đầu tư xây dựng hệ thống kết hợp trồng rừng chống sạt lở cửa sông, ven biển ứng phó biến đổi khí hậu	- Bảo vệ, chống xói lở ven sông, ven biển; phục hồi và phát triển rừng phòng hộ - Khai thác và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng nhằm bảo vệ hệ sinh thái môi trường, phát triển sản xuất	Xây dựng 15km hệ thống; trồng 99 ha rừng tại các huyện: Châu Thành, Cầu Kè, Cầu Ngang, Càng Long, Trà Cú.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	65.000	Giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể theo từng phân kỳ và nguồn vốn theo từng giai đoạn.
23	Lâm nghiệp	Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025	Khai thác tổng hợp và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng nhằm bảo vệ hệ sinh thái môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu phát triển sản xuất, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.	Trồng và phát triển 323 ha rừng các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	48.960	Giai đoạn 2022 - 2025
24	Lâm nghiệp	Cải tạo rừng kém hiệu quả, sắp xếp lại rừng theo hướng tập trung, thuần loài kết hợp với nuôi trồng thủy sản	Cải tạo rừng kém hiệu quả, phát triển nuôi trồng thủy sản trong điều kiện biến đổi khí hậu	Cải tạo 842,93ha rừng nghèo kiệt kém hiệu quả các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	57.000	Giai đoạn 2022 - 2025
25	Giao thông vận tải	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng	Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu thông qua các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng ngành giao thông vận tải	- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của xói lở, biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các công trình giao thông quan trọng. - Xây dựng kế hoạch triển khai nâng cấp, cải tạo theo mức độ quan trọng. - Triển khai xây mới các công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	Phân bổ nguồn vốn trung ương và địa phương theo từng giai đoạn	Giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể theo từng phân kỳ và nguồn vốn theo từng giai đoạn.



26	Xây dựng	Phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực Mê Kông - thành phố Trà Vinh	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu	- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu; làm giảm nguy cơ gây ngập tại khu vực thành phố Trà Vinh; đảm bảo tính kết nối giao thông giữa trung tâm thành phố và các khu vực lân cận, thu hút các nhà đầu tư, khai thác triệt để tiềm năng, lợi thế của thành phố Trà Vinh để phát triển thành đô thị đi đầu trong thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	1.722.252	Giai đoạn 2021 - 2025
27	Xây dựng	Dự án đầu tư mở rộng hệ thống công thu gom và nâng cấp công nghệ xử lý Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh	Hoàn thiện, mở rộng hệ thống công thu gom và nâng cấp công nghệ Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh đáp ứng nhu cầu thu gom, xử lý khu vực nội ô và vùng phụ cận thành phố Trà Vinh	- Đầu tư 32.500 m công thu gom. - Nâng cấp công nghệ Trạm xử lý nước thải của thành phố.	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	483.000	Giai đoạn 2021 - 2025
28	Xây dựng	Dự án xử lý nước thải thị trấn Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Hoàn thiện hệ thống công thu gom và Nhà máy xử lý nước thải thị trấn Tiểu Cần đáp ứng nhu cầu thu gom, xử lý khu vực nội ô và vùng phụ cận thị trấn Tiểu Cần	- Đầu tư 8.000 m công thu gom; - Xây dựng nhà máy xử lý công suất: 8.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	300.000	Giai đoạn 2021 - 2025
29	Xây dựng	Dự án xử lý nước thải thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Hoàn thiện hệ thống công thu gom và Nhà máy xử lý nước thải thị xã Duyên Hải, đáp ứng nhu cầu thu gom, xử lý cho Phường 1 và vùng phụ cận thị xã Duyên Hải	- Đầu tư 7.000 m công thu gom; - Xây dựng nhà máy xử lý công suất: 10.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành, địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	300.000	Giai đoạn 2021 - 2025

30	Xây dựng	Xây dựng các cầu trên hệ thống đê sông, đê biển	Liên kết các tuyến đê sông, đê biển, nâng cao khả năng phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, tạo điều kiện kết nối giao thông các địa phương	Đầu tư xây dựng các cầu trên tuyến đê biển Trà Vinh; cầu giao thông trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên	Sở Giao thông vận tải	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	Phân bổ nguồn vốn theo từng giai đoạn	Giai đoạn 2021 - 2030
31	Tài nguyên và môi trường	Tăng cường năng lực cho Trung tâm Quan trắc tỉnh đặc biệt quan trắc và giám sát nguồn nước	Tăng cường trang thiết bị, nhân lực, chuyên môn phục vụ theo dõi, giám sát chất lượng môi trường, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đặc biệt, nâng cao năng lực giám sát tài nguyên nước trong bối cảnh ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng	- Tăng cường trang thiết bị phục vụ theo dõi, giám sát chất lượng môi trường đặc biệt quan trắc và giám sát nguồn nước. - Đào tạo, hướng dẫn nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cán bộ quản lý môi trường của tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	Phân bổ nguồn vốn theo từng giai đoạn	Giai đoạn 2020 - 2030
32	Y tế	Đầu tư hệ thống y tế đủ năng lực đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe, tăng cường các điều kiện vệ sinh và giám sát chất lượng nước sinh hoạt cho người dân trong điều kiện biến đổi khí hậu	Đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe người dân, đảm bảo chất lượng nước uống, sinh hoạt cho người dân trong điều kiện biến đổi khí hậu	Cấp phát thuốc, vật tư y tế phục vụ phòng chống dịch bệnh miễn phí vào trước và sau mùa lũ; phòng chống các loại dịch bệnh xuất phát từ thiên tai	Sở Y tế	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Địa phương	Theo kế hoạch hàng năm của tỉnh	Hàng năm
33	An sinh xã hội	Nâng cấp, mở rộng các Trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Đảm bảo nguồn cấp nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất theo quy hoạch có tính toán đến yếu tố biến đổi khí hậu	Đầu tư nâng cấp, mở rộng 34 trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	- Trung ương; - Địa phương; - Nguồn khác	483.000	Giai đoạn 2021 - 2025